| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN H**<br>**TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2023.
V/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Văn Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phan Văn Tiến và ông Trịnh Xuân Minh.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh*** *tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2023/TLST - HNGĐ ngày 12/01/2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS ngày 04/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-DS ngày 25/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K , sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm V, xã, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn chị Lê Quỳnh Trang trình bày:*

Về tình cảm: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn K đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2016, tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2020 giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng về quan điểm sống do anh K không tu chí làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, không tìm được sự đồng cảm để giải quyết vấn đề gia đình, nên vợ chồng không chung sống được với nhau, đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay và đã cắt đứt mọi quan hệ. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hạnh phúc hôn nhân không thể đạt được nữa nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Hải Y, sinh ngày 15/04/2017 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được quyền nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu anh Nguyễn Văn K phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn K:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh K biết, đã biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, không có mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật; bị đơn Không thực hiện chưa đủ các quy định pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ vợ, chồng: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật HNGĐ chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị L, đồng ý cho chị L ly hôn với anh K.

+ Về con chung: Chị Trần Thị L có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Trần Hải Y, sinh ngày 15/4/2017, xét thấy việc chị L yêu cầu được nuôi con là chính đáng và đủ điều kiện về mọi mặt cho con, đối chiếu với quy định tại Điều 58; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83; Luật HNGĐ, nên giao cháu Y cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn K có địa chỉ cư trú Thôn V, Xã H, huyện H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn K đã biết được Tòa án thụ lý vụ án, nhưng không có mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn. Nên vụ án không thể hòa giải để các đương sự thỏa thuận được với nhau. Vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử. Tòa án đã triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ 01 nhưng bị đơn vắng mặt nên hoãn phiên tòa, đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Phiên tòa lần thứ 2 bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị L và Nguyễn Văn K kết hôn dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thể hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, không đem lại hạnh phúc cho nhau, dẫn đến mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị L đã về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 8/2020 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau, đã cắt đứt mọi quan hệ với nhau. HĐXX nhận thấy suốt một thời gian dài vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc chị L làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận. Chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Hải Y, sinh ngày 15/4/2017. Chị Trần Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Trần Hải Y là chính đáng, đảm bảo đầy đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con sau ly hôn, cũng phù hợp với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu con Nguyễn Trần Hải Y, sinh ngày 15/4/2017 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Anh K có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án sơ thẩm phí theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 58; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Hải Y, sinh ngày 15/4/2017 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn K được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và anh K không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai số 0007888 ngày 12/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Phú**

- Lưu hồ sơ; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Phú**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN**
**CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Phan Văn Tiến*** ***Trịnh Xuân Minh*** ***Lê Văn Phú***